

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghiêm.

Ông Phạm Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 21/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn khoảng 05 năm đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ bất đồng trong quan điểm sống. Nhưng từ năm 2007 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên

gay gắt hơn, anh Nguyễn Văn T hay chơi bời uống rượu, đánh bạc không giúp gì cho vợ con, mỗi khi góp ý thì lại bị anh Nguyễn Văn T chửi mắng và đánh đuổi chị Nguyễn Thị H ra khỏi nhà, do đó cuộc sống chung của vợ chồng rất căng thẳng tH xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng có được hai bên gia đình nội ngoại nhiều lần động viên, hòa giải khuyên nhủ quay lại với nhau nhưng không có kết quả. Do cuộc sống căng thẳng không ai nH nhin ai nên từ năm 2011, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung, con lớn Nguyễn L sinh ngày 15/11/1999, con nhỏ Nguyễn A sinh ngày 13/12/2004. Từ khi ly thân 02 người con chung ở với chị Nguyễn Thị H, anh T không có trách nhiệm gì với các con chung. Sau ly hôn đối với người con lớn Nguyễn L đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết. Đối với người con nhỏ Nguyễn A, sau ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con chị Nguyễn Thị H làm nghề bán hoa quả thu nhập ổn định khoảng 10 - 12 triệu/tháng, từ năm 2011 đến nay chị H một mình tự nuôi con. Do đó, chị H cho rằng mình đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T không hợp tác, cố tình trốn tránh nên không có văn bản trình bày ý kiến của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Về hôn nhân cho chị H được ly hôn với anh T. Về nuôi con: Chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn A đến khi đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ .v.v. và đã triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ

hai đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T, đăng ký kết hôn ngày 21/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, trong quá trình hôn nhân tồn tại cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi chửi, không tôn trọng nhau, từ năm 2011 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chỉ biết bốn phần của người đó. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 24/3/2021 của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung, con lớn Nguyễn L sinh ngày 15/11/1999, con nhỏ Nguyễn A sinh ngày 13/12/2004. Đối với con lớn Nguyễn L đã trưởng thành (trên 18 tuổi), không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với con nhỏ Nguyễn A, xét về điều kiện nuôi con, từ khi ly thân chị H một mình nuôi con chung, nguyện vọng của cháu Nguyễn A là được ở với mẹ, quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác, không có ý kiến nguyện vọng về việc được nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T có 02 người con chung, con lớn Nguyễn L sinh ngày 15/11/1999 đã trưởng thành (trên 18 tuổi) không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con nhỏ Nguyễn A sinh ngày 13/12/2004, sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị H chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002099 ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn